

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 30-12-2019
V/V “Ly hôn giữa bà T và ông K,
nuôi con chung, chia tài sản
chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Lê Quốc Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đoàn Nguyễn Hồng K. Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đoàn Thanh V. Cùng địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-10-2019 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Đoàn Nguyễn Hồng K, chung sống với nhau từ năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 1,5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau và mâu thuẫn giữa bà với mẹ chồng bà. Bà và ông K không chung sống với nhau từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Đoàn Gia B, sinh ngày 19/12/2018. Từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 đến nay con đang sống cùng với ông K. Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung, hằng tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2019. Hiện nay bà đang phụ bán quán nước, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ 01tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như sau:

- 01 đôi bông tai kim cương trị giá 35.500.000 đồng.
- 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K trị giá 20.500.000 đồng.
- 02 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24K trị giá 16.400.000 đồng.
- 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24 K trị giá 4.100.000 đồng.

Giá một chỉ vàng 24K là 4.100.000 đồng.

Tổng cộng là 76.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu chia đôi giá trị số tài sản trên cho bà là 38.250.000 đồng, số tài sản trên hiện do bà H đang quản lý. Tại phiên tòa bà rút yêu cầu chia tài sản chung, vì ông K đã sử dụng hết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đoàn Nguyễn Hồng K là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Đoàn Gia B, sinh ngày 19/12/2018. Từ ngày 24/9/2019 cho đến nay con đang sống với ông, ông yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông đang làm tài xế xe tải (chở than tổ ông), thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung:

- 01 đôi bông tai kim cương trị giá 27.500.000 đồng.
- 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24K.
- 02 chiếc lắc 04 chỉ vàng 24K.
- 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24 K.

Giá một chỉ vàng 24K tại thời điểm mua là 3.600.000 đồng.

Hiện nay số tài sản này ông đã bán đi sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung cho gia đình, còn sợi dây chuyền ông bán sử dụng riêng. Do số tài sản này không còn nên bà T yêu cầu chia tài sản chung, ông không đồng ý.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đoàn Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng của ông K, bà T có gởi bà H số tài sản trên, nhưng sau đó bà H đã giao trả lại cho ông K như ông K trình bày, bà H không có ý kiến, liên quan gì.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu ly hôn với ông K được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông K có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà T yêu cầu ly hôn với ông K, ông K đồng ý ly hôn. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà T và ông K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà T yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý theo quy định tại Điều 19, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần cho bà T ly hôn với ông K.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Đoàn Gia B, sinh ngày 19/12/2018. Cả hai đương sự đều có nguyện vọng nuôi con chung, bà T yêu cầu nuôi con yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ 01 tháng, ông K yêu cầu nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện kinh tế của hai đương sự thì tương đương nhau, cháu Gia B chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng hiện đang sống cùng ông K từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 cho đến nay cũng đã ổn định về mọi mặt, để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của ông K và cần giao con chung tên Gia B cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung” đối với ông Đoàn Nguyễn Hồng K.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung” của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với ông Đoàn Nguyễn Hồng K.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Bà T không phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 218, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng T ly hôn với ông Đoàn Nguyễn Hồng K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đoàn Gia B, sinh ngày 19/12/2018 cho ông K nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do ông K nuôi dưỡng), bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích

của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung” của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với ông Đoàn Nguyễn Hồng K.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án về việc “chia tài sản chung” theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000106 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phải chịu 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng), hoàn trả 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000105 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An cho bà T.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Hiệp Thạnh.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí